TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **30**/2020/HNGĐ-ST Ngày 26/11/2020 V/v: Xin ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:*Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tường Duy Bình.

2. Ông Đỗ Đình Bản.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bình Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Mùi Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Sồng A S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện M, tỉnh S, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vàng Thị D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện M, tỉnh S, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Sồng A S trình bày:

Anh và chị Vàng Thị D kết hôn với nhau từ ngày 28/4/2004, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Năm 2010, chị D vi phạm pháp luật và đi chấp hành án đến tháng 12/2013 thì chấp hành xong trở về chung sống với anh S tại bản Hin Pén, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Đến cuối năm 2013, chị D bỏ về quê ngoại ở xã Chi Sáng, huyện SiMaCai, tỉnh Lào Cai, từ đó không về nữa, anh S đã tìm hỏi người thân trong gia đình thì gia đình cũng không biết chị D đi đâu, ở đâu không có tin tức gì về chị D từ đó đến nay.

Năm 2019, anh S đã làm thủ tục tuyên bố chị D mất tích và Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã tuyên bố chị Vàng Thị D mất tích theo quyết định giải quyết việc dân sự số 18/2019/QDST-VDS ngày 18/8/2019. Nay anh S xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn với chị Vàng Thị D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh S và chị D đã có với nhau 04 con chung:

Quá trình chung sống anh S và chị D có với nhau 04 con chung gồm: cháu Sồng Thị C, sinh ngày 20/7/2000; cháu Sồng A T, sinh ngày 18/6/ 2002; cháu Sồng A N, sinh ngày 20/9/2004; cháu Sồng Thị M, sinh ngày 09/7/2008. Từ khi sinh chị D đã bỏ đi đến nay anh S vẫn trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục các cháu.

Hiện nay cháu N và cháu M đang ở với anh S, anh S xin được trực tiếp nuôi các cháu. Anh không yêu cầu chị D phải góp tiền nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung: Không yêu cầu phân chia.

Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh S chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn: Chị Vàng Thị D đã đi khỏi địa phương từ cuối năm 2013 và bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tuyên bố mất tích theo quyết định giải quyết việc dân sự số 18/2019/QDST-VDS ngày 18/8/2019.

Theo xác nhận của chính quyền địa phương thì từ ngày bị tuyên bố mất tích, chị D không trở về địa phương và địa phương cũng không có tin tức gì của chị D.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Sồng A S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

Ý kiến của đại diện VKSND huyện Mộc Châu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình*;*

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*;*

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sồng A S.

- Xử cho anh Sồng A S được ly hôn với chị Vàng Thị D.

- Về con chung: Giao con chung cháu Sồng A N, sinh ngày 20/9/2004; cháu Sồng Thị M, sinh ngày 09/7/2008 cho anh Sồng A S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí*:* Anh Sồng A S phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn" do nguyên đơn anh Sồng A S đứng đơn khởi kiện đối với bị đơn chị Vàng Thị D có nơi cư trú cuối cùng tại bản Hin Pén, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Sồng A S có mặt. Bị đơn chị Vàng Thị D vắng mặt, chị D đã bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tuyên bố mất tích và không có mặt tại phiên tòa mặc dù đã được niêm yết hợp lệ 02 lần vẫn không có tin tức gì. Tòa án cũng đã xác minh với chính quyền địa phương được biết từ năm 2013 đến nay chị D không về địa phương nữa, địa phương cũng không có tin tức gì về chị D.

Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2].Về quan hệ hôn nhân:

Anh Sồng A S và chị Vàng Thị D kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 8 và điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D để ổn định cuộc sống. Xét thấy, chị D đã bỏ đi từ năm 2013 đến nay hai anh chị không còn chung sống với nhau nữa, hiện tại chị D và cũng không có mặt tại nơi cư trú, không có tin tức gì kể từ khi Tòa án tuyên bố chị D mất tích cho đến nay, thể hiện vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân giữa anh S và chị D không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh S là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống anh S và chị D có với nhau 04 con chung gồm: cháu Sồng Thị C, sinh ngày 20/7/2000; cháu Sồng A T, sinh ngày 18/6/ 2002; cháu Sồng A N, sinh ngày 20/9/2004; cháu Sồng Thị Mê, sinh ngày 09/7/2008. Từ khi sinh chị D đã bỏ đi đến nay anh S vẫn trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục các cháu. Do đó xét yêu cầu nuôi con của anh S là hoàn toàn phù hợp, cần chấp nhận yêu cầu của anh S, giao cháu Sồng A N, sinh ngày 20/9/2004; cháu Sồng Thị M, sinh ngày 09/7/2008 cho anh Sồng A S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

[4].Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5].Về tài sản chung: Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương được biết hiện tại anh S và các con đang sống trong một ngôi nhà tranh dột nát, chính quyền địa phương đang có văn bản đề nghị UBND xã Chiềng Sơn và UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La có chính sách hỗ trợ với hộ anh Sồng A S về nhà ở.

Tại phiên tòa anh S không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản về nhà ở, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6].Về nợ chung: Do anh Sồng A S khai nhận không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí*:* Anh Sồng A S phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình*;*

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*;*

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sồng A S.

- Về quan hệ hôn nhân*:* Xử cho anh Sồng A S được ly hôn với chị Vàng Thị D.

- Về con chung*:* Giao con chung cháu Sồng A N, sinh ngày 20/9/ 2004 và cháu Sồng Thị M, sinh ngày 09/7/2008 cho anh Sồng A S trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2. Về án phí: Anh Sồng A S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001046 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đỗ Như Khánh

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi …… giờ ……. phút, ngày 26 tháng 11 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Như Khánh.

Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chanh và ông Đỗ Đình Bản.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: .../2019/TLST- HNGĐ, ngày 16/12/2019 về việc Xin ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Sồng A S**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Bản Hin Phén, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị **Vàng Thị D**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Bản Hin Phén, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về áp dụng điều luật:

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình*;*

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 266, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*;*

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sồng A S.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Sồng A S được ly hôn với chị Vàng Thị D.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

- *Về con chung*: Giao con chung cháu Sồng A Nhù, sinh năm 2004 và cháu Sồng Thị Mê, sinh năm 2008 cho anh Sồng A S trực tiếp nuôi dưỡng.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Sồng A S phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001046 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đỗ Như Khánh